

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BA
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Bản án số: 33/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 24 - 8 - 2023

V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T - TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Hà Thanh Loan

Các Hội thẩm nhân dân: ông Kiều Công Ích và bà Vương Thị Thu

- Thư ký phiên toà: Bà Đinh Thị Thu Hậu – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: bà Hoàng Thị Thu Hà - Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 8 năm 2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 49/2023/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 03 năm 2023 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2023/QĐST- HNGĐ ngày 27/7/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đinh Thị T, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Khu 4, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ. (Vắng mặt)

Bị đơn: Anh Trần Duy B, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Khu 4, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ.(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu bổ sung, trong quá trình giải quyết vụ án, chị Đinh Thị T trình bày:

Chị và anh Trần Duy B đã tự nguyện đăng ký kết hôn năm 2006 tại UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Chị T đã làm mất bản chính giấy đăng ký kết hôn; UBND xã Đ không còn hồ sơ lưu trữ nên chị T không nhớ ngày tháng năm đăng ký kết hôn. Thời gian vợ chồng ở chung là 11 năm, tình cảm vợ chồng không được hòa thuận. Hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn căng thẳng từ năm 2013. Nguyên nhân do không có tiếng nói chung, hay đánh cãi chửi nhau. Gia đình hai bên đã hòa giải Nều lần nhưng không thành. Hai vợ chồng đã sống ly thân nhau 08 năm nay. Nay chị T có nguyện vọng xin được ly hôn với anh Trần Duy B.

Về con chung: Hai vợ chồng có 02 con chung là cháu Trần Duy K, sinh ngày 10/01/2008 và cháu Trần Yên N, sinh ngày 21/5/2013. Hiện nay, hai cháu đang ở cùng anh B. Khi ly hôn, chị T có nguyện vọng được xin nuôi cháu Trần Yên N, để anh B nuôi cháu Trần Duy K. Chị T không đề nghị anh B cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký Tòa án và của HĐXX, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa đã tiến hành đúng thủ tục tố tụng và quy định của Pháp luật.

Anh B (bị đơn) đã được triệu tập Nều lần nhưng không đến Tòa án để tham gia giải quyết vụ án là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng được quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

Đề nghị HĐXX áp dụng Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Khoản 1,3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

+ Quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX xử cho chị Đinh Thị T được ly hôn anh Trần Duy B

+ Về con chung: Giao cho chị Đinh Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Yên N, sinh ngày 21/5/2013; anh Trần Duy B trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Duy K, sinh ngày 10/01/2008. Anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T do chị T không yêu cầu; chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh B do anh B không đến Tòa án làm việc và không trình bày quan điểm của mình.

+ Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (công nợ), công sức: không xem xét giải quyết trong vụ án này do nguyên đơn không yêu cầu; anh B không đến tòa án làm việc và không trình bày quan điểm của mình.

+ Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên toà. Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp xin ly hôn giữa chị Đinh Thị T và anh Trần Duy B là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Anh B có hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay tại xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ theo quy định tại khoản 1 điều 28, khoản 1 điều 35 và khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, anh B vắng mặt lần thứ hai không có lý do; chị T vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt) căn cứ Khoản 1, Khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

* Về quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Chị Đinh Thị T và anh Trần Duy B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ năm 2006. Chị T trình bày, bản chính đăng ký kết hôn của chị T và anh B đã mất; Cán bộ được giao thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn của UBND xã Đ năm 2006 cũng xác nhận, năm 2006 chị T và anh B có đăng ký kết tại UBND xã Đ, huyện T. Do Ủy ban nhân dân xã Đ không còn lưu trữ hồ sơ từ năm 2006 trở về trước, nên chị T và anh B đăng ký kết hôn vào ngày tháng nào đơn vị không nắm bắt được. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do chị T và anh B xảy ra mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung. Qua việc xác minh ý kiến của Chính quyền địa phương và khu dân cư cho biết: hiện nay anh B đi làm ăn ngoài địa phương nhưng vẫn thường xuyên về địa phương ở tại nhà bố mẹ đẻ anh B. Chị T không ở cùng anh B và các con tại khu 4, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Tòa án báo gọi anh B Nều lần nhưng anh B không đến Tòa án để giải quyết vụ án. Vì vậy, Tòa án không thực hiện được thủ tục hòa giải đối với vụ án. Chị T và anh B đã có thời gian sống ly thân khoảng 08 năm, không ai quan tâm đến ai. Có thể thấy tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh B không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét nên xử cho chị T ly hôn anh B là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

* Về con chung: chị T và anh B có 02 con chung là cháu Trần Duy K, sinh ngày 10/01/2008 và cháu Trần Yến N, sinh ngày 21/5/2013. Hiện nay cháu K và cháu N đang ở cùng anh B tại khu 4, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ; Khi ly hôn, chị T có nguyện vọng muốn được nuôi cháu N. Cháu K có nguyện vọng muốn ở cùng với cả bố và mẹ; cháu N có nguyện vọng muốn được ở với mẹ. Vì vậy, xét giao cháu N cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng bởi cháu N là con gái, hiện đang

ở độ tuổi phát triển về tâm sinh lý, cần được sự quan tâm, chăm sóc, gần gũi của mẹ. Đối với cháu K, mặc dù anh B không trình bày quan điểm về con chung sau ly hôn, tuy Nên thực tế hiện nay cháu K đang ở với anh B, vì vậy giao cháu K cho anh B trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên kia do không có ai yêu cầu.

* Về tài sản chung, công nợ (nghĩa vụ chung về tài sản), công sức: chị T xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết; Anh B không có quan điểm về sự việc trên, vì vậy HĐXX tách không giải quyết trong vụ án này, nếu các đương sự có tranh chấp sẽ giải quyết trong vụ việc khác.

[4] Về án phí: Chị T phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147; Khoản 2 Điều 227; Khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đinh Thị T được ly hôn anh Trần Duy B

[2]. Về con chung: Giao chị Đinh Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Yên N, sinh ngày 21/5/2013; anh Trần Duy B trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Duy K, sinh ngày 10/01/2008 từ ngày 24/8/2023 cho đến khi từng con chung đủ 18 tuổi (thành niên), lao động tự túc được. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên kia

Chị T và anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung không ai được cản trở.

[3] Về án phí: Chị Đinh Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng chẵn) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng chẵn) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003695 ngày 20/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Phú Thọ. Chị T đã nộp đủ tiền án phí.

Chị Đinh Thị T và anh Trần Duy B vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận

thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh PT
- VKSND huyện T;
- Các Đương sự;
- Chi cục THADS h T;
- UBND xã Đ.
- Lưu HS; VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Hà Thanh Loan

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thanh Loan

